

Số: 452 /KL-TTGSNH

Sóc Trăng, ngày 09 tháng 8 năm 2024

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**  
**Chi nhánh Sóc Trăng**

Thực hiện Quyết định số 45/QĐ-TTGSNH ngày 19/3/2024 về việc thanh tra Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng (gọi tắt là BIDV Sóc Trăng) của Quyền Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, từ ngày 05/4/2024 đến ngày 11/6/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại BIDV Sóc Trăng trong thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2023 theo Kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 01/7/2024 của Trưởng đoàn thanh tra và ý kiến giải trình của BIDV Sóc Trăng tại Văn bản số 116/BIDV.ST-QLRR ngày 07/8/2024, Quyền Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng kết luận như sau:

**I. Khái quát chung:**

**1. Sơ lược về tổ chức bộ máy và mạng lưới hoạt động:**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Sóc Trăng thành lập theo Quyết định số 29/QĐ-NH9 ngày 29/01/1992 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (trên cơ sở chia tách Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Hậu Giang thành Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Cần Thơ và Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Sóc Trăng); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100150619-056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp đăng ký lần đầu ngày 23/6/1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/01/2021. Địa chỉ tại số 05 đường Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Mạng lưới hoạt động của đơn vị gồm Chi nhánh và 07 Phòng giao dịch (gồm: Thành phố Sóc Trăng, Sông Hậu, Trần Đề, Long Phú, Thạnh Trị, Vĩnh Châu và Thuận Hòa) với tổng số lao động toàn Chi nhánh là 129 người; Cơ cấu tổ chức gồm: Ban Giám đốc (gồm: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc) và 07 Phòng chuyên môn (gồm: Phòng Khách hàng doanh nghiệp, Phòng Khách hàng cá nhân, Phòng Quản lý rủi ro, Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Quản trị tín dụng, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Giao dịch khách hàng).

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hữu Thành - Giám đốc Chi nhánh (kể từ tháng 05/2019 đến nay).

## 2. Về tình hình hoạt động trong thời kỳ thanh tra:

- Tổng nguồn vốn hoạt động thời điểm 31/12/2023 là 7.026.170 triệu đồng, so với 31/12/2021 là 5.293.546 triệu đồng, tăng 1.732.624 triệu đồng, tỷ lệ tăng 32,7%; so với 31/12/2022 là 5.751.907 triệu đồng, tăng 1.274.263 triệu đồng, tỷ lệ tăng 22,2%.

- Nguồn vốn huy động đến thời điểm 31/12/2023 là 4.016.114 triệu đồng, so với 31/12/2021 là 4.014.659 triệu đồng, tăng 1.455 triệu đồng, tỷ lệ tăng 0,04%; so với 31/12/2022 là 3.734.132 triệu đồng, tăng 281.982 triệu đồng, tỷ lệ tăng 7,55%.

- Tổng dư nợ cho vay thời điểm 31/12/2023 là 6.966.478 triệu đồng, so với 31/12/2021 là 5.183.235 triệu đồng, tăng 1.783.243 triệu đồng, tỷ lệ tăng 34,4%; so với 31/12/2022 là 5.683.909 triệu đồng, tăng 1.282.569 triệu đồng, tỷ lệ tăng 22,6%.

- Nợ xấu đến thời điểm 31/12/2023 là 70.038 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,01% tổng dư nợ, so với 31/12/2021 là 46.027 triệu đồng, tăng 24.011 triệu đồng, tỷ lệ tăng 52,2%; so với 31/12/2022 là 81.033 triệu đồng, giảm 10.995 triệu đồng, tỷ lệ giảm 13,6%.

- Kết quả kinh doanh:

+ Lợi nhuận năm 2021 là 109.237 triệu đồng.

+ Lợi nhuận năm 2022 là 129.960 triệu đồng.

+ Lợi nhuận năm 2023 là 83.061 triệu đồng.

## II. Kết quả kiểm tra, xác minh:

### 1. Hoạt động cho vay:

#### 1.1 Số liệu dư nợ cho vay qua các thời điểm:

*ĐVT: triệu đồng.*

| Khoản mục                                 | Thời điểm        |                  |                  |
|-------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|
|                                           | 31/12/2021       | 31/12/2022       | 31/12/2023       |
| <b>Tổng dư nợ cho vay:</b>                | <b>5.183.235</b> | <b>5.683.909</b> | <b>6.966.478</b> |
| - Nhóm 1                                  | 4.852.540        | 5.280.336        | 6.611.787        |
| - Nhóm 2                                  | 284.668          | 322.540          | 284.654          |
| - Nhóm 3                                  | 10.099           | 17.198           | 20.530           |
| - Nhóm 4                                  | 23.679           | 20.929           | 23.878           |
| - Nhóm 5                                  | 12.249           | 42.906           | 25.630           |
| <b>Phân loại theo thành phần kinh tế:</b> | <b>5.183.235</b> | <b>5.683.909</b> | <b>6.966.478</b> |
| - Tổ chức:                                | 2.999.138        | 3.763.372        | 4.722.317        |
| - Cá nhân:                                | 2.184.097        | 1.920.537        | 2.244.161        |
| <b>Phân loại theo lĩnh vực:</b>           | <b>5.183.235</b> | <b>5.683.909</b> | <b>6.966.478</b> |
| - Cho vay bất động sản                    | 69.185           | 49.315           | 31.315           |
| - Cho vay chứng khoán                     | 0                | 0                | 0                |
| - Cho vay SX, KD, DV                      | 3.398.720        | 3.590.408        | 4.650.538        |

|                                     |                  |                  |                  |
|-------------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| - Cho vay nông nghiệp, nông thôn    | 143.231          | 136.474          | 223.016          |
| - Cho vay phục vụ đời sống          | 1.218.172        | 1.512.059        | 1.762.970        |
| - Cho vay khác                      | 353.927          | 395.653          | 298.639          |
| <b>Phân loại theo thời hạn vay:</b> | <b>5.183.235</b> | <b>5.683.909</b> | <b>6.966.478</b> |
| - Ngắn hạn                          | 2.953.266        | 3.023.175        | 4.072.312        |
| - Trung hạn                         | 155.072          | 308.656          | 273.752          |
| - Dài hạn                           | 2.074.897        | 2.352.078        | 2.620.414        |
| <b>Phân loại theo loại tiền:</b>    | <b>5.183.235</b> | <b>5.683.909</b> | <b>6.966.478</b> |
| - Nội tệ                            | 4.891.785        | 5.589.973        | 6.942.488        |
| - Ngoại tệ                          | 291.450          | 93.936           | 23.990           |
| <b>Nợ xấu:</b>                      | <b>46.027</b>    | <b>81.033</b>    | <b>70.038</b>    |
| <b>Tỷ lệ nợ xấu:</b>                | <b>0,89%</b>     | <b>1,43%</b>     | <b>1,01%</b>     |

Tổng dư nợ tại thời điểm 31/12/2023 theo số liệu báo cáo là 6.966.478 triệu đồng, tăng 1.783.243 triệu đồng (+34,4%) so với thời điểm 31/12/2021 và tăng 1.282.569 triệu đồng (+22,6%) so với thời điểm 31/12/2022. Trong đó:

- Phân theo thành phần kinh tế: cho vay tổ chức kinh tế chiếm tỷ trọng 67,79% và cho vay cá nhân chiếm tỷ trọng 32,21% tổng dư nợ cho vay.

- Phân theo lĩnh vực cho vay: tỷ trọng cho vay sản xuất, kinh doanh, dịch vụ là 66,8%, cho vay bất động sản là 0,45%, cho vay tiêu dùng là 25,3%, cho vay nông nghiệp, nông thôn là 3,2% (không phát sinh việc cho vay với lãi suất ưu đãi theo quy định của khoản 2 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), còn lại là cho vay khác chiếm tỷ trọng 4,29% tổng dư nợ cho vay.

- Phân theo thời hạn cho vay: dư nợ cho vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng 58,5%, dư nợ cho vay trung hạn chiếm tỷ trọng 3,93% và dư nợ cho vay dài hạn chiếm tỷ trọng 37,6% tổng dư nợ cho vay.

- Phân theo loại tiền cho vay: cho vay bằng nội tệ chiếm tỷ trọng 99,66%, cho vay bằng ngoại tệ chiếm tỷ trọng 0,34% tổng dư nợ.

Nợ xấu của BIDV Sóc Trăng trong thời kỳ thanh tra luôn dưới mức 3% phù hợp theo định hướng chung của ngành, tại thời điểm 31/12/2023 là 70.038 triệu đồng, chiếm tỷ lệ **1,01%** tổng dư nợ cho vay, tăng 24.011 triệu đồng (+52,2%) so với thời điểm 31/12/2021 và giảm 10.995 triệu đồng (-13,6%) so với thời điểm 31/12/2022.

### 1.2 Kết quả kiểm tra hồ sơ vay vốn:

Tổng số hồ sơ vay vốn được chọn mẫu kiểm tra là 387 hồ sơ với tổng dư nợ 3.280.895 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 47,1% so với tổng dư nợ cho vay của BIDV Sóc Trăng tại thời điểm 31/12/2023. Kết quả kiểm tra cho thấy bên cạnh những hồ sơ cơ bản tuân thủ, chấp hành đúng quy định, thì hoạt động cho vay của BIDV Sóc Trăng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, sai phạm (*Chi tiết tại Phụ lục 01*). Các trường hợp điển hình cho từng loại tồn tại, sai phạm như sau:

**1.2.1 Công tác thẩm định để cho vay sơ sài, thiếu chặt chẽ, thiếu thông tin, tài liệu đủ độ tin cậy để làm căn cứ thẩm định** (Tổng số 59 hồ sơ, với dư nợ 499.672 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 15,2% dư nợ được thanh tra):

Công tác thẩm định để cho vay tại BIDV Sóc Trăng thực hiện còn sơ sài, thiếu chặt chẽ, số liệu thẩm định chưa sát với thực tế (doanh thu, giá cả hàng hóa, dịch vụ cao bất thường, không phù hợp với thực tế hoạt động của khách hàng), chưa thu thập đầy đủ thông tin, tài liệu để làm căn cứ cho các nội dung thẩm định (như chứng từ sổ sách, hóa đơn đầu vào, đầu ra, tờ khai báo thuế, thông tin về đối tác, thị trường tiêu thụ, tài liệu thể hiện khách hàng có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh, vốn tự có...), hoạt động kinh doanh của khách hàng có dấu hiệu bất thường nhưng chưa phân tích làm rõ nhằm xác định quy mô, tình hình sản xuất kinh doanh của khách hàng, từ đó xác định nhu cầu vốn thực tế, đánh giá tính khả thi của phương án sử dụng vốn và khả năng tài chính để trả nợ của khách hàng.

Diễn hình một số trường hợp như sau:

(1) Khách hàng [redacted], Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số 224/2023/2189716/HĐTD ngày 28/6/2023, dư nợ 16.000 triệu đồng, mục đích vay vốn để *mua bán lúa gạo*. Hiện tại, khách hàng đã ngừng hoạt động kinh doanh.

BIDV Sóc Trăng thẩm định quy mô hoạt động của khách hàng với Doanh thu là 43,1 tỷ đồng, Chi phí là 40,5 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế là 2,6 tỷ đồng nhưng thiếu hồ sơ, tài liệu chứng minh đầu vào, đầu ra, chứng từ khai nộp thuế, sổ sách kinh doanh để làm cơ sở cho nội dung thẩm định, tài liệu chứng minh nguồn vốn tự có tham gia vào phương án kinh doanh là không có đủ cơ sở để đánh giá tính khả thi của phương án kinh doanh.

(2) Khách hàng [redacted], HĐTD số 223/2023/16151161/HĐTD ngày 08/8/2023, mục đích vay vốn là để *bổ sung vốn nuôi tôm*, dư nợ thời điểm 31/12/2023 là 4.200 triệu đồng. Hiện tại, khách hàng đã ngừng nuôi tôm.

BIDV Sóc Trăng thẩm định dựa trên Bảng kê tình hình sản xuất kinh doanh năm gần nhất và Phương án sản xuất kinh doanh để vay vốn do khách hàng tự lập, ghi nhận quy mô hoạt động với Doanh thu là 49 tỷ đồng, Chi phí là 40,9 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế là 8,1 tỷ đồng, nhưng thu thập chưa đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh đầu vào, đầu ra, không có tài liệu thể hiện khách hàng có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp diện tích đất nuôi tôm phù hợp với quy mô được nêu trong phương án sản xuất kinh doanh, không có tài liệu chứng minh nguồn vốn tự có tham gia vào phương án kinh doanh.

(3) Khách hàng [redacted], HĐTD số 210/2021/7568988/HĐTD ngày 01/9/2021, dư nợ 3.065 triệu đồng, mục đích vay vốn là *Mua đất*; HĐTD số 242/2023/7568988/HĐTD ngày 06/9/2023 và HĐTD số 346/2023/7568988/HĐTD ngày 15/12/2023, cùng mục đích vay vốn là *thấu chi tiêu dùng*, tổng dư nợ là 2.652 triệu đồng.

BIDV Sóc Trăng thẩm định nguồn thu nhập để trả nợ của khách hàng là

từ lương, thưởng và thu nhập khác của khách hàng làm việc tại BIDV (347 triệu đồng/năm) và phần lớn từ thu nhập của bà [redacted] là mẹ ruột của khách hàng (4.575 triệu đồng/năm). Bà [redacted] không phải là bên vay vốn, không bị ràng buộc phải có nghĩa vụ trả nợ cho BIDV liên quan đến khoản nợ của bà [redacted], nên việc BIDV ghi nhận thu nhập của bà [redacted] vào nguồn trả nợ của khách hàng là không có cơ sở, tiềm ẩn rủi ro khách hàng không đủ khả năng tài chính để trả nợ cho BIDV nếu bà [redacted] từ chối cùng trả nợ.

(4) Khách hàng [redacted], HĐTĐ số 380/2022/9294512/HĐTĐ ngày 26/10/2022, dư nợ 29.986 triệu đồng, mục đích vay vốn: *Thi công công trình*

Hồ sơ cho vay thể hiện: (i) Nhiều chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021 có số liệu của kỳ trước (năm 2020) không khớp đúng với số liệu của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020; (ii) Bảng cân đối kế toán các năm 2019-2021 thể hiện các Khoản phải thu ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng trên 70% Tổng tài sản nhưng không được thuyết minh chi tiết trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; (iii) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2021 thể hiện Dòng tiền hoạt động kinh doanh của khách hàng bị âm.

Từ các vấn đề trên cho thấy, tài liệu làm căn cứ để BIDV Sóc Trăng thẩm định có độ tin cậy thấp, trong hoạt động của khách hàng có dấu hiệu bất thường nhưng BIDV Sóc Trăng không phân tích làm rõ, để đánh giá một cách thận trọng hơn trước khi quyết định cho vay.

Tương tự là trường hợp của khách hàng [redacted], HĐTĐ số 199/2023/8244431/HĐTĐ ngày 20/12/2023, dư nợ 28.613 triệu đồng, mục đích vay vốn: *Kinh doanh vật liệu xây dựng*.

Việc BIDV Sóc Trăng thực hiện công tác thẩm định và quyết định cho vay như trên là thực hiện chưa đầy đủ theo các quy định tại khoản 1 Điều 94 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, cụ thể quy định: "*Tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, ... trước khi quyết định cấp tín dụng*", khoản 1 Điều 17 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (gọi tắt là Thông tư số 39), quy định: "*Tổ chức tín dụng thẩm định khả năng đáp ứng các điều kiện vay vốn của khách hàng theo quy định tại Điều 7 Thông tư này để xem xét quyết định cho vay...*", theo đó tại khoản 3 và khoản 4 Điều 7 Thông tư số 39 quy định: "*Tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện sau đây: ... 3. Có phương án sử dụng vốn khả thi; 4. Có khả năng tài chính để trả nợ*".

**1.2.2 Phân kỳ trả nợ không phù hợp với chu kỳ kinh doanh (Tổng số 01 hồ sơ, với dư nợ 3.775 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,12% dư nợ được thanh tra):**

Khách hàng [redacted], HĐTĐ số 01/2023/8044471/HĐTĐ ngày 31/10/2023, dư nợ 70.000 triệu đồng, mục đích

vay vốn: cho vay vốn lưu động, bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh bán buôn thủy sản.

Theo Báo cáo thẩm định ngày 29/9/2023, thời gian thu hồi công nợ của Công ty là từ 20 ngày đến 90 ngày. Bên cạnh đó, tại điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐKT.2021 ngày 02/01/2021 đã ký kết giữa khách hàng và

- là đối tác mua hàng với doanh số giao dịch chiếm tỷ trọng chủ yếu trong doanh thu hoạt động của khách hàng có thỏa thuận: *"Bên B sẽ thanh toán tiền VNĐ bằng hình thức chuyển khoản cho bên A trong 30 ngày kể từ ngày giao hàng..."* cho thấy thời gian thu hồi công nợ ngắn.

Tuy nhiên, BIDV Sóc Trăng đã giải ngân cho khách hàng vay tại HĐTD cụ thể số 01-02/2023/8044471/HĐTD ngày 04/12/2023, số tiền 3.775 triệu đồng, với thời hạn cho vay lên đến **253 ngày** là không phù hợp với chu kỳ hoạt động kinh doanh của khách hàng.

Việc phân kỳ trả nợ không phù hợp với chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến việc thời điểm phát sinh nguồn thu nhập của khách hàng không phù hợp với thời điểm phải thanh toán nợ vay, tiềm ẩn rủi ro khách hàng sử dụng nguồn thu từ phương án vay vốn vào mục đích khác, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng khi đến hạn. Việc làm này là thực hiện không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28 Thông tư số 39, cụ thể: *"1. Tổ chức tín dụng và khách hàng căn cứ vào chu kỳ hoạt động kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn, khả năng trả nợ của khách hàng, nguồn vốn cho vay và thời hạn hoạt động còn lại của tổ chức tín dụng để thỏa thuận về thời hạn cho vay."*

**1.2.3 Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay không chặt chẽ, chưa có biện pháp kiểm tra, giám sát hiệu quả dẫn đến việc khách hàng sử dụng vốn không đúng với mục đích vay vốn nhưng không phát hiện (Tổng số 43 hồ sơ, với dư nợ 317.772 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 9,7% dư nợ được thanh tra):**

Nhiều trường hợp BIDV Sóc Trăng thực hiện kiểm tra sau cho vay không chặt chẽ, mang tính hình thức (các biên bản kiểm tra được ghi theo mẫu in sẵn, thông tin ghi nhận sơ sài, không thể hiện được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng) dẫn đến nhiều trường hợp khách hàng sử dụng vốn vay không đúng với mục đích vay vốn nhưng BIDV Sóc Trăng không phát hiện, có tình trạng khách hàng hoặc nhóm khách hàng có liên quan (có mối quan hệ gia đình, thân thuộc, đồng nghiệp) sử dụng nhiều tài khoản thanh toán tại nhiều ngân hàng thương mại để thực hiện chuyển tiền vay lòng vòng nhằm mục đích cuối cùng là để trả nợ vay của chính khách hàng hoặc cá nhân khác trong Nhóm tại BIDV Sóc Trăng hoặc ngân hàng thương mại khác; một số trường hợp cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán có hạn mức cho vay lớn nhưng BIDV Sóc Trăng không kiểm soát được việc sử dụng vốn của khách hàng. Cụ thể như sau:

#### **1.2.3.1 Nhóm các khách hàng có liên quan chuyển tiền lòng vòng:**

a) Nhóm các khách hàng có liên quan đến ông

Các cá nhân trong nhóm: ông

(nhân viên tại BIDV Sóc

Trăng, dư nợ 6.088 triệu đồng), ông (cha ruột, dư nợ 16.000 triệu đồng), bà (mẹ ruột, dư nợ 16.000 triệu đồng), bà (mẹ vợ, dư nợ 4.000 triệu đồng), bà (em vợ, dư nợ 13.428 triệu đồng), bà (chị vợ, dư nợ 6.200 triệu đồng), ông (chồng của bà, dư nợ 8.900 triệu đồng), bà (chị vợ, dư nợ 3.680 triệu đồng), ông (chồng của bà, dư nợ 4.000 triệu đồng), bà (chị vợ, dư nợ 10.200 triệu đồng), ông (chồng của bà, dư nợ 8.310 triệu đồng), ông (con rể, dư nợ 6.999 triệu đồng), bà (mẹ vợ của em ruột, dư nợ 7.850 triệu đồng), bà (dư nợ 3.000 triệu đồng); bà (đồng nghiệp, nhân viên tại BIDV, dư nợ 6.027 triệu đồng), bà (mẹ của bà, dư nợ 14.900 triệu đồng), hầu hết đã ngừng hoạt động hoặc chỉ hoạt động cầm chừng theo phương án vay vốn hoặc đã chuyển đổi lĩnh vực hoạt động.

Diễn hình dòng tiền đi của một số khoản giải ngân của khách hàng trong Nhóm như sau:

(1) Khách hàng (mẹ ruột), HĐTĐ số 632/2023/9360405/HĐTĐ ngày 29/9/2023 (vay tại BIDV PGD Thành phố Sóc Trăng), dư nợ 16.000 triệu đồng, mục đích vay vốn: *Mua bán lúa*, chứng từ sử dụng vốn là bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn (Mẫu 01/TNDN).

(i) Khế ước giải ngân số 405000304649 ngày 29/9/2023: giải ngân số tiền 10.000 triệu đồng vào tài khoản thanh toán số 7420530648 tại BIDV của bà (em ruột), ngay sau đó chuyển số tiền 9.400 triệu đồng cho (tài khoản số 7420003818 tại BIDV). Đến ngày 02/10/2023, chuyển số tiền 4.348 triệu đồng cho (tài khoản số 7420690977 tại BIDV) để trả nợ vay tại BIDV Sóc Trăng.

(ii) Khế ước giải ngân số 406000304651 ngày 29/9/2023, tổng số tiền giải ngân là 6.000 triệu đồng, trong đó:

+ Giải ngân số tiền 3.000 triệu đồng vào tài khoản thanh toán số 7420593410 tại BIDV của bà (chị ruột của), sau đó chuyển số tiền này cho (tài khoản số 108871870289 tại Vietinbank), chuyển cho (tài khoản số 0358807595 tại SHB) số tiền 2.490 triệu đồng.

+ Giải ngân số tiền 3.000 triệu đồng vào tài khoản thanh toán số 7420423942 tại BIDV của (chồng của, sau đó chuyển toàn bộ cho (tài khoản số 108871870289 tại Vietinbank).

(2) Khách hàng, HĐTĐ số 300/2022/9447710/HĐTĐ ngày 25/11/2022 (vay tại BIDV PGD Sông Hậu), dư nợ 6.000 triệu đồng, mục đích vay vốn: *Mua bán lúa*, chứng từ sử dụng vốn là bảng kê

thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn (Mẫu 01/TNDN).

(i) Khế ước giải ngân số 405000180362 ngày 08/9/2023: giải ngân số tiền 3.000 triệu đồng vào tài khoản số 7420530648 của khách hàng

tại BIDV, ngay sau đó, khách hàng chuyển số tiền này vào tài khoản số 19037950284015 của khách hàng tại Techcombank và chuyển tiếp số tiền này vào tài khoản số 0974454585 tại SHB của (anh rể). Đến ngày 20/9/2023, chuyển lại số tiền này cho vào tài khoản số 19037950284015 tại Techcombank, sau đó chuyển 3.000 triệu đồng về tài khoản số 7420530648 tại BIDV của để trả nợ vay cho BIDV.

(ii) Khế ước giải ngân số 407000245083 ngày 20/9/2023: giải ngân 3.000 triệu đồng vào tài khoản thanh toán của tại BIDV, ngay sau đó chuyển số tiền này vào tài khoản số 19037950284015 của tại Techcombank, cuối cùng chuyển toàn bộ số tiền này cho (bao gồm: 1.500 triệu đồng vào tài khoản số 19037836220015 tại Techcombank và 1.500 triệu đồng tài khoản số 0974454585 tại SHB).

(3) Khách hàng, HĐTĐ số 082/2023/9361710/HĐTĐ ngày 15/6/2023 (vay tại BIDV PGD Sông Hậu), dư nợ 10.200 triệu đồng, mục đích vay vốn: *Mua bán lúa*, chứng từ sử dụng vốn là bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn (Mẫu 01/TNDN).

Ngày 16/6/2023, BIDV Sóc Trăng giải ngân số tiền 3.000 triệu đồng vào tài khoản số 7420894292 của tại BIDV. Ngay sau đó, chuyển số tiền này cho (tài khoản số 106871703857 tại Vietinbank), tiếp đó chuyển số tiền này cho tài khoản số 108871870289 tại Vietinbank), sau đó chuyển cho (tài khoản số 7420420350 tại BIDV) số tiền 2.200 triệu đồng để trả nợ vay tại BIDV Sóc Trăng.

Ngày 11/8/2023, sau khi nhận giải ngân số tiền 4.500 triệu đồng, chuyển cho của (tài khoản số 1021233004 tại SHB) số tiền 3.000 triệu đồng và chuyển cho - chồng của (tài khoản số 74210000647326 tại BIDV) số tiền 1.500 triệu đồng, chuyển số tiền này vào tài khoản số 108002810256 tại Vietinbank của rồi lại tiếp tục chuyển cho (tài khoản số 108871870289 tại Vietinbank), tại đây dùng 500 triệu đồng để trả nợ vay tại Vietinbank Sóc Trăng.

b) Các nhóm khách hàng tương tự khác có phát sinh việc chuyển tiền lòng vòng để trả nợ vay tại BIDV hoặc các tổ chức tín dụng khác:

- Nhóm khách hàng có liên quan đến ông : ông (dư nợ 19.300 triệu đồng), bà (chị ruột, dư nợ 15.000 triệu đồng), bà (chị ruột, dư nợ 15.000 triệu đồng), (vợ của ông là bà làm Giám đốc công ty, ông là Phó Giám đốc công ty, dư nợ 28.613 triệu đồng), (ông là Giám đốc công ty, dư nợ 29.986 triệu đồng).

- Nhóm khách hàng có liên quan đến ông : ông (con ruột, dư nợ 14.000 triệu đồng), ông (em vợ, dư nợ 12.000 triệu đồng), bà (dư nợ 8.410 triệu đồng).

- Nhóm khách hàng có liên quan đến ông : ông (vợ, dư nợ 7.800 triệu đồng).

- Nhóm khách hàng có liên quan bà Gấm: bà (chồng, dư nợ 6.435 triệu đồng).

- Nhóm khách hàng có liên quan đến bà : bà (dư nợ 9.500 triệu đồng), ông (anh chồng, dư nợ 7.500 triệu đồng).

- Nhóm khách hàng có liên quan đến bà : bà (chồng, dư nợ 17.900 triệu đồng).

**1.2.3.2 Sử dụng tiền vay từ hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán để chuyển cho cá nhân khác trả nợ vay:**

(1) Khách hàng (nhân viên BIDV Sóc Trăng), HĐTD số 242/2023/7568988/HĐTD ngày 06/9/2023 dư nợ 573 triệu đồng và HĐTD số 346/2023/7568988/HĐTD ngày 15/12/2023 dư nợ 2.079 triệu đồng, cùng mục đích vay vốn là *thấu chi tiêu dùng*.

- Hợp đồng tín dụng số 242/2023/7568988/HĐTD ngày 06/9/2023 hạn mức thấu chi 600 triệu đồng, tài khoản thấu chi số 8890026325: khách hàng sử dụng tiền vay từ tài khoản thấu chi thực hiện chuyển tiền lòng vòng để trả nợ vay cho tài khoản thấu chi khác của chính khách hàng tại BIDV có số tài khoản là 7420719605 (ngày 07/9/2023 số tiền 126 triệu đồng, ngày 28/9/2023 số tiền 500 triệu đồng) và chuyển cho - mẹ ruột (tài khoản số 7420536026 tại BIDV) để bà trả nợ vay tại BIDV (ngày 06/11/2023 số tiền 300 triệu đồng, ngày 13/11/2023 số tiền 200 triệu đồng, ngày 15/11/2023 số tiền 200 triệu đồng...).

- Hợp đồng tín dụng số 346/2023/7568988/HĐTD ngày 15/12/2023 hạn mức thấu chi 3.000 triệu đồng, tài khoản thấu chi số 7420719605: Ngày 15/12/2023, khách hàng sử dụng tiền vay từ tài khoản thấu chi số 7420719605 chuyển cho - Nhân viên BIDV Sóc Trăng (tài khoản số 7420343457 tại BIDV) số tiền 2.996 triệu đồng, không phát sinh hoạt động mua bán; Từ ngày 19/12/2023 đến ngày 29/12/2023, nhiều lần khách hàng sử dụng tiền vay từ tài khoản thấu chi để chuyển tiền lòng vòng qua nhiều tài khoản mở tại nhiều ngân hàng để mục đích cuối cùng là để chuyển cho khách hàng trả nợ vay tại BIDV.

(2) Khách hàng, HĐTD số 00742/2023/0002696/HĐTD ngày 14/6/2023, hạn mức thấu chi là 5.000 triệu đồng, mục đích vay vốn: *thấu*

chi phục vụ hoạt động kinh doanh, dư nợ 3.900 triệu đồng.

Từ ngày 19/6/2023 đến ngày 01/8/2023, khách hàng đã nhiều lần sử dụng tiền vay từ tài khoản thấu chi để chuyển vào tài khoản số 74210019466 của chồng là ông \_\_\_\_\_ mở tại BIDV Sóc Trăng, tổng số tiền đã chuyển là 5.490 triệu đồng. Số tiền này sau đó được dùng để trả nợ vay của ông \_\_\_\_\_ tại BIDV Sóc Trăng.

**1.2.3.3 Khách hàng sử dụng vốn vào mục đích khác không đúng theo Hợp đồng tín dụng:**

(1) Khách hàng \_\_\_\_\_, HĐTD số 877/2023/12039928/HĐTD ngày 28/12/2023, dư nợ 10.500 triệu đồng, mục đích vay vốn là *Mua bán lúa gạo*, nhưng thực tế khách hàng dùng tiền vay để *mua bất động sản*.

(2) Khách hàng \_\_\_\_\_, HĐTD số 131/2023/13476064/HĐTD ngày 22/12/2023, dư nợ 6.750 triệu đồng, mục đích vay vốn là *Mua bán cửa sắt, cửa nhôm*, nhưng thực tế dùng tiền vay để *mua bất động sản*.

Việc khách hàng sử dụng tiền vay không đúng theo mục đích vay vốn đã thỏa thuận là vi phạm nguyên tắc vay vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39, theo đó quy định: “2. Khách hàng vay vốn tổ chức tín dụng phải đảm bảo sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng thời hạn đã thỏa thuận với tổ chức tín dụng.”.

BIDV Sóc Trăng chưa có biện pháp kiểm tra, giám sát hiệu quả để kiểm soát việc sử dụng vốn của khách hàng dẫn đến nhiều trường hợp khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, đặc biệt là nhiều trường hợp khách hàng dùng tiền vay để trả nợ cho chính BIDV hoặc tổ chức tín dụng khác là chưa tuân thủ đầy đủ việc kiểm tra, giám sát vốn vay được quy định tại khoản 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, cụ thể: “4. Tổ chức tín dụng có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.”, khoản 2 Điều 24 Thông tư số 39 (đã được sửa đổi, bổ sung), theo đó quy định: “Tổ chức tín dụng có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng theo quy định của pháp luật và quy trình nội bộ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Thông tư này”.

**1.2.4 Không có/Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn không đúng theo quy định (Tổng số 24 hồ sơ, với dư nợ 233.417 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 7,1% dư nợ được thanh tra):**

BIDV Sóc Trăng giải ngân cho khách hàng vay vốn để mua hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng bắt buộc phải lập hóa đơn theo quy định nhưng BIDV Sóc Trăng thu thập chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay là bảng kê sử dụng vốn vay, bảng kê hàng hóa do khách hàng tự lập, phiếu giao hàng hoặc hóa đơn bán lẻ,... các chứng từ này không đảm bảo về nội dung và loại hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 4, Điều 8 và Điều 10 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Diễn hình các trường hợp:

(1) Khách hàng , HẾTD số 178/2023/12081170/HẾTD ngày 29/06/2023, mục đích vay vốn: *Bổ sung vốn kinh doanh phụ kiện, linh kiện điện thoại, hàng điện tử*, dư nợ 7.000 triệu đồng. Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay là các bảng kê sử dụng vốn vay hoặc hoá đơn bán hàng được lập không đúng quy định (không có ghi rõ ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, tên liên hóa đơn, mã số thuế của người bán,...).

(2) Khách hàng , HẾTD số 309/2023/11128161/HẾTD ngày 07/11/2023, dư nợ 15.900 triệu đồng, mục đích vay vốn: *Bổ sung vốn lưu động mua bán thức ăn thủy sản*. Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn là các hóa đơn bán lẻ mua các loại thức ăn cho tôm.

(3) Khách hàng , HẾTD số 359/2023/7204669/HẾTD ngày 28/08/2023, mục đích vay vốn: *Tiêu dùng*, dư nợ 5.000 triệu đồng. BIDV Sóc Trăng giải ngân cho khách hàng trên cơ sở là bảng kê kế hoạch dự kiến tiêu dùng mà chưa thu thập chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn của khách hàng.

(4) Khách hàng , HẾTD số 240/2023/13288716/HẾTD ngày 30/8/2023, dư nợ 12.538 triệu đồng, mục đích vay vốn: *Mua bán lúa*. Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn là các bảng kê mua hàng tự lập đối với hàng hóa là nông sản, thủy sản không đúng mẫu số 01/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ tài chính.

Việc làm trên tiềm ẩn nhiều rủi ro do BIDV Sóc Trăng không kiểm soát được mục đích sử dụng vốn thực tế của khách hàng, vốn vay có thể không được sử dụng vào phương án kinh doanh, ảnh hưởng đến hiệu quả của phương án và khả năng trả nợ của khách hàng, BIDV đã thực hiện chưa đầy đủ quy định tại khoản 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, quy định: “4. Tổ chức tín dụng có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.”, khoản 1 Điều 24 Thông tư số 39, cụ thể quy định: “Khách hàng có trách nhiệm sử dụng vốn vay và trả nợ theo nội dung thỏa thuận; báo cáo và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay theo yêu cầu của tổ chức tín dụng”.

**1.2.5 Chưa kiểm tra, định giá lại tài sản bảo đảm định kỳ theo quy định của BIDV (Tổng số 01 hồ sơ, với dư nợ 17.950 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,55% dư nợ được thanh tra):**

Khách hàng , HẾTD số 085/2023/4326219/HẾTD ngày 28/3/2023, dư nợ 17.950 triệu đồng, các tài sản bảo đảm là các Quyền sử dụng đất tại Hợp đồng thế chấp số 108/2022/4326219/HĐBĐ và Hợp đồng thế chấp số 114/2022/4326219/HĐBĐ có thời điểm kiểm tra, định giá gần nhất lần lượt là ngày 13/9/2022 và ngày 05/10/2022.

Tại thời điểm thanh tra, đã quá thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm kiểm tra, định giá gần nhất nhưng các tài sản này chưa được kiểm tra, định giá lại định kỳ theo quy định tại Điều 44 Quy định số 3939/QyĐ-BIDV ngày 26/7/2021 của

Tổng Giám đốc BIDV về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hoạt động cấp tín dụng, theo đó quy định: “Trong thời gian bảo đảm tiền vay, BIDV kiểm tra, định giá lại TSBĐ theo quy định tại Phụ lục II/GDBĐ”, theo đó, đối với tài sản bảo đảm là bất động sản thì thời hạn định giá lại tối đa là 12 tháng.

## 2. Hoạt động bảo lãnh:

### 2.1 Số liệu bảo lãnh trong thời kỳ thanh tra:

DVT: Triệu đồng.

| Loại bảo lãnh                        | Thời điểm<br>31/12/2021 | Thời điểm<br>31/12/2022 | Thời điểm<br>31/12/2023 |
|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Bảo lãnh thanh toán                  | 71.245                  | 64.213                  | 112.036                 |
| Bảo lãnh dự thầu                     | 8.871                   | 4.826                   | 5.208                   |
| Bảo lãnh thực hiện hợp đồng          | 47.644                  | 51.542                  | 60.251                  |
| Bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm | 37.314                  | 39.155                  | 24.341                  |
| Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước     | 316.373                 | 269.412                 | 173.178                 |
| Bảo lãnh đối ứng                     | 6.819                   | 0                       | 0                       |
| Bảo lãnh vay vốn                     | 0                       | 0                       | 36.936                  |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>488.266</b>          | <b>429.148</b>          | <b>411.950</b>          |

Số dư bảo lãnh tại thời điểm 31/12/2023 là 411.950 triệu đồng, so với 31/12/2021 là 488.266 triệu đồng, giảm 76.316 triệu đồng (-15,6%); so với 31/12/2022 là 429.148 triệu đồng, giảm 17.198 triệu đồng (-4,0%).

Trong đó, Bảo lãnh hoàn tiền ứng trước có số dư 173.178 triệu đồng (chiếm 42,0%), Bảo lãnh thanh toán là 112.036 triệu đồng (chiếm 27,2 %), Bảo lãnh thực hiện hợp đồng là 60.251 triệu đồng (chiếm 14,6%), Bảo lãnh vay vốn là 36.936 triệu đồng (chiếm 8,97%), Bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm là 24.341 triệu đồng (chiếm 5,91%), còn lại là Bảo lãnh dự thầu có số dư 5.208 triệu đồng (chiếm 1,26 %).

### 2.2 Kết quả thanh tra hồ sơ cấp bảo lãnh:

Qua chọn mẫu thanh tra 87 bộ hồ sơ bảo lãnh của 09 khách hàng với tổng số dư 220.080 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 53,4% tổng số dư bảo lãnh tại thời điểm 31/12/2023 cho thấy: BIDV Sóc Trăng đã thực hiện cấp bảo lãnh cho khách hàng về cơ bản đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Số dư bảo lãnh trên hồ sơ khớp đúng với số dư trên sao kê; Hầu hết các khoản bảo lãnh đều có bảo đảm bằng các hình thức thế chấp tài sản, cầm cố sổ tiết kiệm hoặc ký quỹ. Trong thời kỳ thanh tra, BIDV Sóc Trăng có phát sinh trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho (tổng số 05 hợp đồng bảo lãnh với tổng số tiền nhận nợ bắt buộc là 20.709 triệu đồng), nguyên nhân do chủ doanh nghiệp chết, các công trình do Công ty nhận thầu không thể tiếp tục triển khai nên phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với bên nhận bảo lãnh.

Kết quả thanh tra ghi nhận các tồn tại, vi phạm như sau:

**2.2.1 Cam kết bảo lãnh không đầy đủ nội dung theo quy định (Tổng số 10 hồ sơ, với số dư 48.143 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 21,9% số dư được thanh tra):**

Cam kết bảo lãnh do BIDV Sóc Trăng phát hành cho khách hàng thiếu nội dung về hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 (có hiệu lực đến ngày 31/3/2023) và điểm i khoản 1 Điều 16 của Thông tư số 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định về bảo lãnh ngân hàng, cụ thể quy định: “1. Cam kết bảo lãnh phải có các nội dung sau:...i) Hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh;” (**Chi tiết tại Phụ lục số 02**). Điền hình các Thư bảo lãnh như sau:

(1) Thư bảo lãnh có số Ref: GI23B12569, phát hành ngày 14/02/2023, bên được bảo lãnh là \_\_\_\_\_ (CIF: 678795), giá trị bảo lãnh là 5.000 triệu đồng;

(2) Thư bảo lãnh có số Ref: GI23B57140, phát hành ngày 15/6/2023, bên được bảo lãnh là \_\_\_\_\_ (CIF: 678795), giá trị bảo lãnh là 3.000 triệu đồng;

(3) Thư bảo lãnh có số Ref: GI21BR2511, phát hành ngày 23/12/2021, bên được bảo lãnh là \_\_\_\_\_ (CIF: 678795), giá trị bảo lãnh là 4.618 triệu đồng.

**2.2.2 Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh quá thời hạn so với quy định (Tổng số 01 hồ sơ, với số dư 143 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,06% số dư được thanh tra):**

Thư bảo lãnh bảo hành số 115/BIDV.ST-QTTD ngày 24/01/2022 (số Ref: GI22B10861), giá trị bảo lãnh là 406 triệu đồng, do BIDV Sóc Trăng phát hành cho \_\_\_\_\_ có bên nhận bảo lãnh là \_\_\_\_\_

Ngày 09/01/2023, BIDV Sóc Trăng nhận được yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền 143 triệu đồng của \_\_\_\_\_ tại văn bản số 1542/BQLDA1-PDA2 ngày 30/12/2022. Tuy nhiên, cho đến ngày 19/01/2023 là ngày làm việc thứ 09 kể từ ngày nhận được yêu cầu thì BIDV Sóc Trăng mới thực hiện thanh toán cho \_\_\_\_\_ là quá thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định về bảo lãnh ngân hàng, cụ thể như sau: “Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày bên bảo lãnh nhận được văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ bảo lãnh đã cam kết đối với bên nhận bảo lãnh,...”.

**3. Về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro; thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng:**

**3.1 Về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro qua thanh tra:**

Số liệu phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro trong thời kỳ thanh tra:

ĐVT: Triệu đồng.

| Khoản mục              | Thời điểm<br>31/12/2021 | Thời điểm<br>31/12/2022 | Thời điểm 31/12/2023 |                      |               |
|------------------------|-------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|---------------|
|                        |                         |                         | Số liệu báo<br>cáo   | Số liệu<br>thanh tra | Chênh<br>lệch |
| <b>Tổng dư nợ</b>      | <b>5.183.235</b>        | <b>5.683.909</b>        | <b>6.966.478</b>     | <b>6.966.478</b>     | <b>0</b>      |
| - Nhóm 1               | 4.852.540               | 5.280.336               | 6.611.787            | 6.611.787            | 0             |
| - Nhóm 2               | 284.668                 | 322.540                 | 284.654              | 284.654              | 0             |
| - Nhóm 3               | 10.099                  | 17.198                  | 20.530               | 20.530               | 0             |
| - Nhóm 4               | 23.679                  | 20.929                  | 23.878               | 23.878               | 0             |
| - Nhóm 5               | 12.249                  | 42.906                  | 25.630               | 25.630               | 0             |
| <b>Dự phòng cụ thể</b> | <b>18.456</b>           | <b>36.433</b>           | <b>59.922</b>        | <b>59.922</b>        | <b>0</b>      |
| <b>Dự phòng chung</b>  | <b>38.782</b>           | <b>42.037</b>           | <b>52.056</b>        | <b>52.056</b>        | <b>0</b>      |
| <b>Nợ xấu</b>          | <b>46.027</b>           | <b>81.033</b>           | <b>70.038</b>        | <b>70.038</b>        | <b>0</b>      |
| <b>Tỷ lệ nợ xấu</b>    | <b>0,89%</b>            | <b>1,43%</b>            | <b>1,01%</b>         | <b>1,01%</b>         | <b>0</b>      |

Tổng dư nợ cho vay đến thời điểm 31/12/2023 tại BIDV Sóc Trăng là 6.966.478 triệu đồng, nợ xấu theo phân loại nợ của đơn vị là 70.038 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,01% tổng dư nợ cho vay. Kết quả thanh tra cho thấy, BIDV Sóc Trăng tuân thủ quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 và Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

### 3.2 Về sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng:

#### 3.2.1 Về sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng:

Trong thời kỳ thanh tra, BIDV Sóc Trăng đã trình Hội đồng xử lý rủi ro (XLRR) xem xét, sử dụng dự phòng để xử lý đối với 72 khoản vay, tổng dư nợ tại thời điểm trình là 93.803 triệu đồng, trong đó được phê duyệt để xử lý đối với 63 khoản vay, với tổng dư nợ 91.485 triệu đồng; Không phát sinh trường hợp xuất toán nợ đã XLRR ra khỏi ngoại bảng.

Kết quả kiểm tra chọn mẫu đối với 07 khoản vay, dư nợ 64.931 triệu đồng chiếm tỷ lệ 71,0% tổng số tiền XLRR trong thời kỳ thanh tra, cho thấy hồ sơ, thủ tục xử lý rủi ro tuân thủ quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 11/2021/TT-NHNN.

#### 3.2.2 Về thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng:

Các khoản nợ sau khi được XLRR được BIDV Sóc Trăng phân công cho từng phòng/đơn vị trực thuộc tiếp tục theo dõi và áp dụng các biện pháp để thu hồi nợ (thông qua việc đôn đốc, thỏa thuận bàn giao tài sản, khởi kiện, đề nghị thi hành án,...). Trong thời kỳ thanh tra, BIDV Sóc Trăng đã thu hồi được 325 khoản vay với dư nợ 135.105 triệu đồng nợ đã sử dụng dự phòng để XLRR.

Qua đó cho thấy, trong thời kỳ thanh tra, BIDV Sóc Trăng đã tích cực áp dụng nhiều biện pháp để xử lý, thu hồi các khoản nợ đã XLRR. Tuy nhiên, số dư nợ chưa thu hồi vẫn còn cao, lũy kế đến thời điểm 31/12/2023 là 311.210 triệu đồng, chiếm đến 4,5% tổng dư nợ nội và ngoại bảng.

#### **4. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí:**

##### **4.1 Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ:**

Trong thời kỳ thanh tra, BIDV Sóc Trăng đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với 73 khoản vay, với dư nợ 169.664 triệu đồng. Trong đó:

- Cơ cấu theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 (đã được sửa đổi, bổ sung), nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19: 49 khoản vay của 31 khách hàng, với tổng dư nợ là 18.264 triệu đồng. Đến thời điểm hiện tại, các khoản vay này đã tất toán.

- Cơ cấu theo quy định tại Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023, nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn: 24 khoản vay của Công ty Cổ phần Thực phẩm Thái Hòa, với tổng số tiền 151.400 triệu đồng, mục đích vay vốn để kinh doanh chế biến thủy sản xuất khẩu, thời hạn cơ cấu 12 tháng, dư nợ hiện tại là 65.887 triệu đồng.

Kết quả chọn mẫu thanh tra cho thấy, việc cơ cấu lại và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay được BIDV Sóc Trăng thực hiện tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

##### **4.2 Việc miễn, giảm lãi:**

Trong thời kỳ thanh tra, BIDV Sóc Trăng đã xem xét miễn, giảm lãi cho 38 khách hàng, tổng số tiền miễn, giảm lãi là 13.014 triệu đồng (*Không phát sinh miễn, giảm lãi nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19*). Về cơ bản, việc thực hiện miễn, giảm lãi tuân thủ quy định nội bộ của BIDV.

#### **5. Việc thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính Phủ:**

Trong thời kỳ thanh tra, BIDV Sóc Trăng không phát sinh việc thực hiện hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính Phủ (Nghị định số 31). Nguyên nhân do khách hàng không có nhu cầu, đối với các khách hàng có đề nghị thì không bổ sung đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định để được hỗ trợ lãi suất.

#### **6. Thanh tra công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo:**

Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo tại BIDV Sóc Trăng được thực hiện theo các hướng dẫn nội bộ trong hệ thống của BIDV. Trong thời kỳ thanh tra, BIDV Sóc Trăng có phân công lãnh đạo phụ trách tiếp

công dân theo định kỳ hàng tháng, có bố trí nơi tiếp, thực hiện niêm yết Nội quy và lịch tiếp công dân tại Phòng tiếp công dân (tầng 4 Trụ sở của Chi nhánh).

Trong thời kỳ thanh tra, tại BIDV Sóc Trăng không phát sinh trường hợp tiếp công dân, đơn thư khiếu nại, tố cáo; đơn vị thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Sóc Trăng theo quy định.

### **7. Thanh tra công tác phòng, chống tham nhũng:**

Về cơ bản, BIDV Sóc Trăng tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động phòng, chống tham nhũng, cụ thể như sau:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tham nhũng: Ban Lãnh đạo đơn vị có sự phối hợp với Cấp ủy và các đoàn thể trong việc triển khai tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, nhân viên, người lao động tại Chi nhánh.

- Việc thành lập, kiện toàn, hoạt động của Tiểu ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tại Chi nhánh: đơn vị đã thành lập, kiện toàn và duy trì hoạt động của Tiểu ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng tại Chi nhánh với thành phần theo quy định; Đồng thời, BIDV Sóc Trăng đã ban hành Quy chế hoạt động của Tiểu ban chỉ đạo tại Chi nhánh. Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và việc phối hợp hoạt động, chế độ thông tin, báo cáo của Tiểu ban chỉ đạo và các thành viên trong Tiểu ban chỉ đạo. Định kỳ họp để chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ khác.

- Về chuyển đổi vị trí công tác: định kỳ, BIDV Sóc Trăng có thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, nhân viên theo quy định của BIDV.

- Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập: Năm 2021, BIDV Sóc Trăng xác định có 42 cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập; Năm 2022 và 2023, BIDV Sóc Trăng xác định có 01 cá nhân thuộc diện phải kê khai là Giám đốc Chi nhánh. Tuy nhiên, do BIDV không phải là *doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*, Giám đốc Chi nhánh cũng không phải là *người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước* nên các cá nhân này không thuộc diện là người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (đã được sửa đổi, bổ sung), cụ thể quy định: “3. Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.”

- Việc xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu nội bộ: BIDV Sóc Trăng xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu nội bộ theo quy định và phê duyệt của Trụ sở chính.

- Việc xử lý tin báo, giải quyết tố cáo về dấu hiệu tham nhũng trong nội bộ: trong thời kỳ thanh tra, không có tin báo, tố cáo về dấu hiệu tham nhũng trong nội bộ tại đơn vị.

#### **8. Thanh tra hoạt động phòng, chống rửa tiền (PCRT):**

Về cơ bản, BIDV Sóc Trăng tuân thủ các quy định về hoạt động phòng, chống rửa tiền, cụ thể như sau:

- Hoạt động phòng, chống rửa tiền tại BIDV Sóc Trăng được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của BIDV trên cơ sở các quy định của pháp luật trong thời kỳ thanh tra. Tại Chi nhánh, có phân công Phòng Quản trị rủi ro là bộ phận đầu mối chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền.

- Về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng: BIDV Sóc Trăng thực hiện các biện pháp để nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định; Định kỳ, Trụ sở chính BIDV thực hiện rà soát, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro trong toàn hệ thống, đồng thời gửi kết quả để Chi nhánh thực hiện đánh giá tăng cường đối với các khách hàng thuộc mức độ rủi ro cao theo quy định (trong kỳ, tại Chi nhánh phát sinh 02 trường hợp).

- Công tác báo cáo: các báo cáo giao dịch có giá trị lớn, giao dịch chuyển tiền điện tử do Trụ sở chính tổng hợp, trích xuất từ Hệ thống phần mềm để báo cáo trực tiếp Cục PCRT – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên Chi nhánh không thực hiện các báo cáo này. Trong thời kỳ thanh tra, tại BIDV Sóc Trăng không phát sinh giao dịch đáng ngờ.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng: Trong thời kỳ thanh tra có 07 cán bộ, nhân viên được đào tạo trực tuyến do Trụ sở chính tổ chức; Số cán bộ, nhân viên còn lại chủ yếu được Chi nhánh tự đào tạo, bồi dưỡng theo định kỳ hằng năm.

#### **9. Thanh tra hoạt động đại lý bảo hiểm:**

Trong thời kỳ thanh tra, BIDV Sóc Trăng thực hiện phân phối các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife và các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Tại thời điểm thanh tra, BIDV Sóc Trăng có 69 cán bộ, nhân viên có chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ và 17 cán bộ, nhân viên có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ được Bộ Tài chính cấp Code theo quy định, thực hiện tư vấn bảo hiểm cho khách hàng.

Doanh số bán bảo hiểm trong thời kỳ thanh tra như sau:

*ĐVT: Triệu đồng.*

| Loại bảo hiểm         | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|-----------------------|----------|----------|----------|
| Bảo hiểm nhân thọ     | 540      | 1.150    | 540      |
| Bảo hiểm phi nhân thọ | 1.360    | 2.340    | 5.120    |

Qua thanh tra nhận thấy hoạt động đại lý bảo hiểm của BIDV Sóc Trăng thực hiện tuân thủ theo quy định nội bộ của hệ thống BIDV và quy định pháp luật.

### **III. Kết luận:**

#### **1. Những mặt tích cực qua thanh tra:**

Qua các nội dung thanh tra cho thấy, trong thời kỳ thanh tra BIDV Sóc Trăng cơ bản chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác phòng, chống tham nhũng, rửa tiền; Đơn vị có ý thức tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong các hoạt động đại lý bảo hiểm; Chấp hành tốt các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước trong việc hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi và phát triển sản xuất; Dư nợ cấp tín dụng của đơn vị có mức tăng trưởng tốt, hoạt động xử lý, thu hồi nợ đạt được nhiều kết quả giúp kiểm soát tỷ lệ nợ xấu nội bảng luôn ở mức thấp; Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro tín dụng được thực hiện đúng quy định; Hoạt động kinh doanh các năm đều có lãi.

#### **2. Những mặt tồn tại, hạn chế:**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong thời kỳ thanh tra, hoạt động của BIDV Sóc Trăng cũng còn có những tồn tại và hạn chế nhất định trong từng mặt hoạt động đã được nêu ở *Mục II - Kết quả kiểm tra, xác minh*, như: Công tác thẩm định cho vay chưa chặt chẽ, thiếu hồ sơ, tài liệu đủ độ tin cậy để làm căn cứ thẩm định; Phân kỳ trả nợ không phù hợp với chu kỳ kinh doanh của khách hàng; Chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn không đúng quy định; Kiểm tra, giám sát sau cho vay chưa được quan tâm đúng mức, còn sơ sài, thiếu chặt chẽ, chưa có biện pháp kiểm tra, giám sát hiệu quả dẫn đến việc khách hàng sử dụng vốn không đúng mục đích vay vốn, thậm chí nhiều trường hợp khách hàng sử dụng tiền vay để trả nợ tại BIDV hoặc các tổ chức tín dụng khác nhưng đơn vị không phát hiện, những tồn tại, hạn chế này cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến nợ xấu của đơn vị trong thời gian qua và tiềm ẩn phát sinh trong thời gian tới; Phát hành cam kết bảo lãnh không đảm bảo nội dung theo quy định, thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh quá thời hạn so với quy định; Đến thời điểm thanh tra, tại BIDV Sóc Trăng vẫn chưa phát sinh việc hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ; Công tác xác định người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập còn sai sót.

#### **3. Về nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể và các cá nhân có liên quan:**

##### **3.1 Nguyên nhân:**

##### **3.1.1 Nguyên nhân khách quan:**

Trong thời kỳ thanh tra, do tình hình kinh tế thời kỳ hậu Covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cá nhân và doanh



- GD PGD, ông
- GD PGD, ông
- GD PGD, ông
- Quản trị rủi ro: ông
- TP. QLRR, ông
- Phó TP. QLRR, ông
- Phó TP. QLRR, bà
- CBQLRR, bà
- CB QLRR, ông
- CBQLRR, ông
- CBQLRR; bà
- TP. QTTD, bà
- TP. QTTD.
- Phê duyệt: ông
- Giám đốc Chi nhánh, ông
- Phó Giám đốc Chi nhánh (đã nghỉ hưu theo chế độ), ông
- Phó Giám đốc Chi nhánh.

#### IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: không.

#### V. Kiến nghị các biện pháp xử lý:

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, điều hành hoạt động tại BIDV Sóc Trăng trong thời gian qua, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đảm bảo cho đơn vị hoạt động an toàn, hiệu quả, giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Quyền Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng kiến nghị các biện pháp xử lý như sau:

1. Tổ chức cuộc họp toàn thể cán bộ, nhân viên thực hiện công tác thẩm định, đề xuất, quản trị rủi ro, phê duyệt và quản lý khoản cấp tín dụng của Chi nhánh để thông báo công khai nội dung Kết luận thanh tra nhằm kiểm điểm, rút kinh nghiệm đối với các tồn tại, vi phạm đã được nêu tại *Mục II - Kết quả kiểm tra, xác minh*.

Trong đó, đặc biệt lưu ý quán triệt các nội dung phải thực hiện trong thời gian tới như sau: Báo cáo thẩm định cấp tín dụng phải phân tích, đánh giá các yếu tố đầu vào, đầu ra, đánh giá tính khả thi của phương án sử dụng vốn và khả năng tài chính để trả nợ của khách hàng; Phân kỳ trả nợ phải phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng; Phải thu thập và lưu trữ đầy đủ tài liệu để làm căn cứ cho các nội dung thẩm định, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn của khách hàng phải đúng quy định và có đủ độ tin cậy; Thực hiện đầy đủ việc kiểm tra, giám sát sau cho vay đảm bảo tần suất theo quy định, các biên bản ghi nhận nội dung kiểm tra, giám sát khoản vay phải phản ánh rõ tình hình hoạt động, kết quả sử dụng vốn vay của khách hàng theo quy định; Cam kết bảo lãnh khi phát hành phải đảm bảo đầy đủ nội dung, việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phải đúng thời hạn theo quy định.

Tùy theo tính chất, mức độ của tồn tại, vi phạm mà BIDV Sóc Trăng quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định hình thức xử lý kỷ luật đối với các tập thể, cá nhân có liên quan theo quy định.

Thời hạn hoàn thành chậm nhất đến **ngày 31/8/2024**.

\*Trong quá trình khắc phục các tồn tại, vi phạm tại Kết luận thanh tra này, nếu xảy ra tồn thất, không thu hồi được nợ cho BIDV do nguyên nhân chủ quan,

thì BIDV Sóc Trăng phải quy trách nhiệm bồi thường vật chất theo quy định nội bộ và xử lý trách nhiệm của người gây ra tổn thất theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với các trường hợp nêu tại *khoản 1.2.1 Mục II – Kết quả kiểm tra, xác minh và các trường hợp tương tự tại Phụ lục 01 (trừ các trường hợp phải thu hồi nợ theo khoản 3 Mục này)*, BIDV Sóc Trăng tiến hành thu thập bổ sung đầy đủ thông tin, tài liệu có đủ độ tin cậy để làm căn cứ thẩm định, đồng thời đánh giá lại thực trạng hoạt động, khả năng trả nợ của khách hàng trên cơ sở thông tin, tài liệu thu thập được.

BIDV Sóc Trăng phải có biện pháp xử lý theo thẩm quyền nhằm đảm bảo thu hồi đầy đủ nợ vay nếu xảy ra các trường hợp như sau: khách hàng cung cấp thông tin, tài liệu không đầy đủ hoặc thiếu trung thực, tình hình hoạt động của khách hàng có dấu hiệu bất thường.

Thời hạn hoàn thành chậm nhất đến **ngày 30/9/2024**.

3. Thu hồi trước hạn đối với các khoản nợ đã được khách hàng sử dụng không đúng với mục đích vay vốn tại *khoản 1.2.3 Mục II – Kết quả kiểm tra, xác minh và các trường hợp tương tự tại Phụ lục 01*. Thời hạn hoàn thành chậm nhất đến **ngày 30/11/2024**.

4. Đối với các trường hợp nêu tại *khoản 1.2.4 Mục II – Kết quả kiểm tra, xác minh và các trường hợp tương tự tại Phụ lục 01*, BIDV Sóc Trăng tiến hành thu thập bổ sung đầy đủ hồ sơ, hóa đơn, chứng từ hợp pháp để chứng minh khách hàng sử dụng vốn đúng với mục đích vay vốn. Thời hạn hoàn thành chậm nhất đến **ngày 30/9/2024**.

Trường hợp khách hàng không cung cấp được đầy đủ thì tiến hành các biện pháp để thu hồi nợ trước hạn đối với phần dư nợ không cung cấp được. Thời hạn hoàn thành chậm nhất đến **ngày 30/11/2024**.

5. Đối với trường hợp nêu tại *khoản 1.2.5 Mục II – Kết quả kiểm tra, xác minh*, BIDV Sóc Trăng tiến hành kiểm tra, định giá lại tài sản bảo đảm định kỳ theo đúng quy định của BIDV. Thời hạn hoàn thành chậm nhất đến **ngày 31/8/2024**.

6. Đối với các trường hợp nêu tại *khoản 2.2.1 Mục II – Kết quả kiểm tra, xác minh và các trường hợp tương tự tại Phụ lục 02*, nếu Cam kết bảo lãnh vẫn còn hiệu lực thì phải thỏa thuận với khách hàng và các bên liên quan để bổ sung đầy đủ nội dung mà Cam kết bảo lãnh phải có theo đúng quy định. Thời hạn hoàn thành chậm nhất đến **ngày 31/8/2024**.

7. Trong trường hợp hết thời hạn nhưng vẫn chưa thu hồi được các khoản nợ thuộc diện phải thu hồi theo *khoản 3 và khoản 4 Mục này*, BIDV Sóc Trăng phải xây dựng Phương án xử lý đảm bảo tính khả thi (bao gồm tối thiểu các nội dung: thực trạng khách hàng, biện pháp xử lý/thu hồi, lộ trình, phân công trách nhiệm cho tập thể/cá nhân phụ trách,...) và tổ chức thực hiện. Báo cáo Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng chậm nhất đến **ngày**



31/12/2024 và báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ **ngày 10 hàng tháng** cho đến khi thu hết nợ.

## **VI. Khuyến nghị:**

### **1. Đối với BIDV Hội sở chính:**

**1.1** Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ để có biện pháp nhằm kiểm soát dòng tiền của khách hàng có mục đích vay vốn để *nuôi trồng, kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, tổ yến, vay thấu chi tiêu dùng/kinh doanh trên tài khoản thanh toán* để đảm bảo khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay đúng hạn theo thỏa thuận, phản ánh đúng chất lượng tín dụng; Xem xét, có giải pháp công nghệ để giám sát, nhận diện được các trường hợp khách hàng chuyển tiền vay lòng vòng qua các tài khoản thanh toán (tối thiểu là trong hệ thống của BIDV) sử dụng vốn không đúng với mục đích vay vốn, thậm chí là trả nợ vay tại BIDV.

**1.2** Trong trường hợp xét thấy cần thiết, BIDV tổ chức kiểm tra, kiểm toán nội bộ đối với các hồ sơ cho vay tại BIDV Sóc Trăng của các khách hàng có mục đích vay vốn để *nuôi trồng, kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, tổ yến, vay thấu chi tiêu dùng/kinh doanh trên tài khoản thanh toán* (các hoạt động qua thanh tra có nhiều tồn tại, vi phạm) mà chưa được thanh tra để có biện pháp xử lý kịp thời nếu phát hiện tồn tại, vi phạm hoặc dấu hiệu rủi ro cho BIDV.

### **2. Đối với BIDV Sóc Trăng:**

**2.1** Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với việc sử dụng vốn, tình hình hoạt động của các khách hàng vay vốn để *nuôi trồng, kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, tổ yến, vay thấu chi tiêu dùng/kinh doanh trên tài khoản thanh toán*, bao gồm cả biện pháp kiểm tra, giám sát dòng tiền vay, trả nợ của khách hàng nhằm phát hiện các dấu hiệu bất thường để có biện pháp xử lý phù hợp, kịp thời.

**2.2** Đối với các trường hợp khách hàng đề nghị được giải ngân cho vay bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản thanh toán của khách hàng với giá trị lớn nhưng chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn và văn bản cam kết bên thụ hưởng không có tài khoản thanh toán thiếu độ tin cậy, thì BIDV Sóc Trăng cần tổ chức kiểm tra, rà soát lại các thông tin, tài liệu do khách hàng cung cấp. Nếu xác định bên thụ hưởng không có tài khoản thanh toán thì BIDV Sóc Trăng cần khuyến khích khách hàng vay vốn để nghị bên thụ hưởng mở tài khoản thanh toán để áp dụng phương thức giải ngân vốn cho vay sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt nhằm kiểm soát tốt hơn việc sử dụng vốn vay và đảm bảo thực hiện theo đúng chủ trương của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 21/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017, quy định về phương thức giải ngân vốn cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**2.3** Tích cực triển khai các biện pháp xử lý đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đang theo dõi ngoại bảng, đảm bảo thu hồi nợ đầy đủ, triệt để theo quy định.

Trên đây là nội dung Kết luận thanh tra tại BIDV Sóc Trăng trong thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm 31/12/2023. Kết quả thực hiện các nội dung kiến nghị nêu trên, yêu cầu BIDV Sóc Trăng báo cáo (kèm theo các chứng từ, tài liệu chứng minh kết quả khắc phục) gửi về Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng theo định kỳ báo cáo trước **ngày 10 hàng tháng** cho đến khi thực hiện hoàn tất các nội dung kiến nghị theo thời hạn đã quy định./.

**Nơi nhận:**

- BIDV Sóc Trăng (để thực hiện);
- Trụ sở chính BIDV (để chỉ đạo thực hiện);
- Cơ quan TTGSNH (để b/c);
- Giám đốc NHNN CN tỉnh Sóc Trăng (để b/c);
- Lưu: VT, TTGSNH, Hồ sơ thanh tra.

**Gửi kèm:**

- Phụ lục số 01, 02;
- Biểu số 01, 02.

**Q. CHÁNH THANH TRA,  
GIÁM SÁT NGÂN HÀNG**



**Trương Công Kịch**

